

MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG
TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG
XUYÊN¹

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ

Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VIỆT KHÊ

TRƯỜNG THCS KỶ SƠN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG²

1. Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường THCS Kỳ Sơn

2. Địa chỉ: Thôn Kỳ Sơn 6, Xã Việt Khê, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 02253673084

Địa chỉ thư điện tử: thcs-kyson@thuynghuyen.edu.vn

Website: <https://thcskyson.haiphong.edu.vn>

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập

Cơ quan chủ quản: UBND xã Việt Khê

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

Trường THCS Kỳ Sơn là một cơ sở giáo dục phổ thông, hoạt động trong khuôn khổ luật pháp của nhà nước và quy chế của ngành giáo dục, nhằm giáo dục đào tạo thanh thiếu niên theo yêu cầu đổi mới của xã hội, xu hướng hiện đại của thế giới và đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, hỗ trợ tốt nhất mọi nhu cầu học tập cá nhân, khuyến khích học sinh học tập trong môi trường bồi dưỡng và mang tính thử thách để các em phát huy hết tiềm năng, thúc đẩy các em học sinh năng động sáng tạo, tham gia nhiều lĩnh vực khác nhau như thể thao, nghệ thuật và vui chơi giải trí nhằm tiến tới giáo dục toàn diện, kết hợp “dạy chữ - dạy người – dạy nghề”, trở thành một cơ sở giáo dục chất lượng cao trong đó coi trọng giáo dục kỹ năng sống hiện đại nhưng vẫn mang đậm bản sắc dân tộc.

Đổi mới công tác quản lý; xây dựng, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên; lấy đổi mới căn bản phương pháp dạy và học theo hướng tích cực, phát triển năng lực cá nhân và phẩm chất người học làm cốt lõi. Xây dựng trường THCS Kỳ Sơn trở thành trường học hạnh phúc, từng bước vươn lên trở thành trường học đổi mới, sáng tạo.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy - học; đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh với mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực của người học; tổ chức các hoạt động, mô hình giáo dục sáng tạo, đẩy mạnh hoạt động học sinh nghiên cứu khoa học, giáo dục STEM và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong nhà trường. **Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng chất lượng công tác HSG và chất lượng thi vào lớp 10 THPT.** Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau trung học cơ sở phù hợp với thực tiễn.

Quan tâm đúng mức và tạo sự chuyển biến rõ nét trong hoạt động giáo dục đạo đức, hạnh kiểm, kỹ năng, ý thức tự rèn luyện của học sinh. Sau khi học xong cấp trung học cơ sở học sinh có đủ phẩm chất và năng lực quy định tại chương trình giáo dục bậc học, học sinh biết điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, biết vận dụng phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng, có hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường THCS Kỳ Sơn có tiền thân là trường cấp 1,2 xã Kỳ Sơn được thành lập năm 1960 từ một trường giáo dưỡng Đổng Quốc Bình của thành phố giải thể, khi đó trường nằm dưới chân đồi chỗ cao, chỗ thấp thuộc thôn 5, xã Kỳ Sơn (Nay là vị trí của trường TH Kỳ Sơn).

Đến năm 1981 trường đổi tên thành trường Phổ Thông Cơ Sở Kỳ Sơn.

Tháng 9 năm 1992 đến 1997 trường được tách ra với cấp 1 và sáp nhập 2 xã Kỳ Sơn và Quảng Thanh trường mang tên trường THCS Lê Ích Mịch.

Năm 1997 theo quyết định số 299/QĐ-UBND huyện Thủy Nguyên về việc giải thể và thành lập một số trường THCS, trường được tách thành trường THCS Kỳ Sơn và chuyển về vị trí sân bóng cũ của xã Kỳ Sơn. Trường gồm có 6 phòng học với tổng số 546 học sinh chia thành 11 lớp.

Năm học 2004-2005 trường được xây thêm 2 phòng cấp 4 và dãy 2 tầng với 4 phòng học. Sĩ số học sinh nhà trường gần 900, để đảm bảo đủ phòng học, học sinh học phải 2 buổi sáng và chiều.

Năm 2021, được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, chính quyền và nhân dân địa phương, trường từng bước được đầu tư và xây dựng khang trang, sạch đẹp hơn,

trường được chuyển ra vị trí hiện nay với diện tích 11.000m². trường được xây dựng đồng bộ đảm bảo đủ về diện tích, cơ cấu phòng học, phòng chức năng, sân chơi, sân tập, khuôn viên tạo nên môi trường giáo dục xanh, sạch, đẹp và an toàn. Tháng 11 năm 2023 trường được công nhận là trường chuẩn quốc gia mức độ 2, chuẩn kiểm định cấp độ 3.

Năm học 2024-2025, trường THCS Kỳ Sơn tiếp tục duy trì trường chuẩn quốc gia mức độ 2, chuẩn kiểm định mức độ 3. Nhà trường có 36 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Trong đó có 31 giáo viên trực tiếp giảng dạy, 100% có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, 05 đồng chí có trình độ Trung cấp lý luận chính trị, 23 đồng chí là đảng viên, 03 đồng chí được công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Nhà trường có trên 87% cán bộ giáo viên, nhân viên được UBND huyện Thủy Nguyên (cũ) công nhận danh hiệu lao động tiên tiến, trong đó có 03 đồng chí là chiến sĩ thi đua cơ sở.

6. Thông tin người đại diện

Nguyễn Thị Hồng Duyên - Chức vụ: Hiệu trưởng

Nơi làm việc: Trường THCS Kỳ Sơn

Điện thoại: 0916850042

Hòm thư điện tử: Datlinhpn@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

Trường THCS Kỳ Sơn có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường Trung học. Trong năm học 2024-2025 trường được bổ nhiệm 01 Hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng. Các đồng chí trong BGH đều có năng lực quản lý tốt, năng động, sáng tạo trong công việc. Trường có đủ các tổ chức đoàn thể gồm 01 Chi bộ Đảng với 20 đảng viên, Chi Đoàn có 08 đoàn viên, Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh với 779 Đội viên. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng được thành lập và có chương trình kế hoạch hoạt động cụ thể, phù hợp với nhiệm vụ chuyên môn từng năm học. Các tổ hoạt động rất tích cực tạo nên phong trào thi đua 2 tốt hàng năm, góp phần cùng Lãnh đạo nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên tất cả các phương diện.

Nhà trường đã phân công nhiệm vụ rõ ràng cho CB, GV, NV vào đầu các năm học, các hoạt động có đầy đủ kế hoạch theo năm, kỳ, tháng và tuần. Các biên bản kiểm tra đánh giá đều được lưu giữ đầy đủ. 100% CBGV, NV chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, thực hiện nghiêm túc Quy chế dân chủ ở cơ sở. Các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành và quy định của Nhà nước được nhà trường xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, sơ kết, tổng kết đều đạt kết quả tốt. Các

4	Nhân viên y tế	0													
5	Nhân viên thư viện	0													
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1					1	1				
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0													

- 100% CB-GV-NV hoàn thành bồi dưỡng chuyên môn hàng năm theo quy định cụ thể như sau:

Số TT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bồi dưỡng chương trình GDPT 2018	Cán bộ, GV	26	- Bồi dưỡng về chương trình GDPT mới	Bồi dưỡng theo các Modul	
2	Đào tạo nâng chuẩn	GV chưa đạt chuẩn	01	- Đại học Toán	Tại chức	Đại học
3	Đào tạo nâng chuẩn	GV có nhu cầu	02	Thạc sĩ Toán, Ngữ Văn	Tại chức	Thạc sĩ

		nâng chuẩn				
--	--	---------------	--	--	--	--

- 100% CB-GV-NV có phẩm chất đạo đức tốt; nhiệt tình và tâm huyết với nghề.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

- Tổng diện tích toàn trường là 11.000m², tỷ lệ bình quân trên 14m²/mỗi học sinh.
- Tổng số phòng học văn hoá là 18 phòng/18 lớp và 08 phòng học bộ môn và nhà đa năng để các em luyện tập thể dục thể thao. Nhà trường có Thư viện đạt chuẩn quốc gia, khu hiệu bộ đủ các phòng Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, Kế toán, Thủ quỹ, Công đoàn, Phòng tiếp dân, Phòng hội trường, Phòng y tế học đường, Phòng truyền thống, Phòng Đoàn-Đội, phòng họp cho các tổ.
- Toàn trường có 1 phòng tin học với 25 máy vi tính dành riêng cho học tin và được kết nối Internet, 6 máy vi tính kèm theo máy in cho các bộ phận chức năng, 6 máy dùng cho các phòng học. Trường có 25 ti vi 65,70 inches trong các phòng học, như vậy 100% các phòng học và phòng thực hành có đủ máy chiếu đa năng hoặc ti vi và các thiết bị dạy học hiện đại. 100% các phòng học đều có bàn ghế đúng tiêu chuẩn, trang trí đúng qui cách đảm bảo phòng học thoáng mát, sạch đẹp.

Số TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	18	Số m ² /HS
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	18	1,4
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	9	1,4
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	43.5	-
III	Số điểm trường	1	-

IV	Tổng số diện tích đất (m²)	11.000	14.18 m ² /HS
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	6.100	7.86 m ² /1HS
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	63	1.45 m ² /1 HS
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	68	1.56 m ² /1 HS
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	22	-
3	Diện tích thư viện (m ²)	96	-
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	480	-
5	Diện tích phòng khác (Hội trường)(m ²)	128	-
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	02	1/3
1.2	Khối lớp 7	02	1/3
1.3	Khối lớp 8	02	1/3
1.4	Khối lớp 9	02	1/3
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	02	1/3
1.2	Khối lớp 7	02	1/3
1.3	Khối lớp 8	02	1/3
1.4	Khối lớp 9	02	1/3
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	255	

VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	23	2 học sinh/bộ
-------------	---	----	---------------

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số lượng	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	25	18/18
2	Cát xét	02	
3	Đầu Video/đầu đĩa	02	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	04	4/18
5	Bộ loa máy	3	
	Nội dung	Số lượng (m ²)	
X	Nhà bếp	0	
XI	Nhà ăn	0	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3		4/4		2.25
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0				

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	

XIX	Tường rào xây	x	
-----	---------------	---	--

- Danh mục sách giáo khoa được sử dụng trong nhà trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

Số TT	Tên sách	Bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Nguyễn Linh Chi, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương	Giáo dục Việt Nam
2	Toán	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng	Giáo dục Việt Nam
3	Giáo dục công dân	Cánh diều	Trần Văn Thắng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hoài, Nguyễn Thúy Quỳnh, Mai Thu Trang	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
4	Khoa học tự nhiên	Cánh diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Khánh, Đặng Thị Oanh (đồng Chủ biên), Lê Minh Cẩm, Ngô Ngọc Hoa, Lê Thị Phương Hoa, Phan Thị Thanh Hội, Đỗ Thanh Hữu, Cao Tiến	Đại học Sư phạm

			Khoa, Lê Thị Thanh, Nguyễn Đức Trường, Trương Anh Tuấn	
5	Lịch sử và Địa lí	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên), Nghiêm Đình Vỳ, Đào Ngọc Hùng (đồng Tổng Chủ biên), Đinh Ngọc Bảo, Đào Ngọc Hùng (đồng Chủ biên), Vũ Thị Hằng, Phan Ngọc Huyền, Phạm Thị Thanh Huyền, Lê Huỳnh, Trần Thị Hồng Mai, Hoàng Anh Tuấn, Phí Công Việt	Giáo dục Việt Nam
6	Tin học	Cánh diều	Hồ Sĩ Đàm, Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Đình Hóa, Phạm Thị Anh Lê, Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Chí Trung	Đại học Sư phạm
7	Công nghệ	Cánh diều	Nguyễn Tất Thắng (Tổng chủ biên), Trần Thị Lan Hương (Chủ biên), Hoàng Xuân Anh, Nguyễn Thị Thanh Huệ, Bùi Thị Hải Yến	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
8	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lân, Trịnh Thị Oanh, Cao Sỹ Anh Tùng, Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam
9	Mĩ thuật	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ	Giáo dục Việt Nam

			biên), Quách Thị Ngọc An, Nguyễn Dương Hải Đăng, Nguyễn Đức Giang, Phạm Ngọc Mai, Trần Đoàn Thanh Ngọc, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân	
10	Giáo dục thể chất	Cánh diều	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên), Đinh Quang Ngọc (chủ biên), Đinh Khánh Thu, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành	Đại học Sư phạm
11	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp	Chân trời sáng tạo	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Đình Bảy, Trần Thị Quỳnh Trang (đồng Chủ biên), Trần Minh Hoàng, Nguyễn Thị Bích Liên, Vũ Phương Liên, Trần Bảo Ngọc, Lại Thị Yên Ngọc, Vũ Thanh Thủy, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh	Tiếng Anh 6 Kết nối tri thức (Global Success)	Tổng Chủ biên: Hoàng Văn Vân Chủ biên: Nguyễn Thị Chi Tác giả: Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn	Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

Trong 5 năm liên tiếp hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục của trường THCS Kỳ Sơn đều ổn định. Chất lượng học sinh giỏi, chất lượng thi vào 10 có sự chuyển biến theo từng năm. Để có được điều đó, Nhà trường có kế hoạch tổ chức các hoạt động dạy học được cụ thể hóa bằng việc phân công chuyên môn phù hợp đối với mỗi giáo viên, xây

dụng thời khoá biểu cho từng khối lớp đảm bảo tính khoa học, hợp lí đúng quy định. Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT, rèn kỹ năng sống, giữ gìn vệ sinh môi trường đa dạng phong phú. Nhà trường đã huy động toàn thể giáo viên và học sinh cùng tham gia. Đội ngũ giáo viên đã không ngừng tự học, tự bồi dưỡng về chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học. Trong những năm học tiếp theo nhà trường sẽ tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt được và khắc phục những tồn tại, phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục xứng đáng với niềm tin của phụ huynh học sinh.

Dựa trên bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường Trung học (ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) gồm 5 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí và 84 chỉ báo, nhà trường đã tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục của mình trên tất cả các mặt hoạt động một cách nghiêm túc, đảm bảo khách quan, quy trình đánh giá. Kết quả đánh giá được tổng hợp như sau:

Tiêu chí	Mức 1		Mức 2		Mức 3	
	Đạt	Không Đạt	Đạt	Không Đạt	Đạt	Không Đạt
Số lượng	28	0	28	0	21	7
% đạt	100%	0%	100%	0%	75%	25%

Trường THCS Kỳ Sơn, xã Việt Khê, thành phố Hải Phòng duy trì đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

Năm học qua chất lượng giảng dạy của nhà trường được đánh giá thực chất, ổn định tỷ lệ học sinh khá, giỏi. Thực hiện tốt công tác giáo dục toàn diện cho học sinh. Kết quả đạt được cụ thể như sau:

- **Học sinh giỏi cấp thành phố:** 02 giải văn hoá (01 giải ba, 01 giải KK)
- **Học sinh giỏi cấp huyện:** 15 giải văn hóa (Trong đó 03 giải nhì, 04 giải ba, 08 giải KK)
- **Chất lượng công tác thi tuyển sinh vào lớp 10** tiếp tục được củng cố, chất lượng điểm thi 3 môn là 19,35; tỷ lệ học sinh trúng tuyển trên số học sinh dự thi đạt trên

95,2%, tỷ lệ học sinh trúng tuyển trên số học sinh tốt nghiệp là 73,7%.

*** Kết quả học tập và rèn luyện**

- **Kết quả rèn luyện:** Tốt 743 = 95.38%; Khá 36 = 4.62

- **Kết quả học tập:** Tốt 206 = 26.44%; Khá 385 = 49.42%; Đạt 180 = 23.11 % ;
Chưa đạt: 08 = 1.03%

- **Học sinh giỏi xuất sắc:** Toàn trường có 08 học sinh. Khối 6 06 em, khối 9 02 em.

* **Tỉ lệ lên lớp:** 100%

* **Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp:** 164/164 = 100%

Về thi đua trong toàn cấp THCS Ngành GD. Trường THCS Kỳ Sơn được công nhận tập thể LĐTT

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện (áp dụng đối với HS được đánh giá theo thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	779	211	259	145	164
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	95.38%	96.21%	94.21%	97.93%	93.9%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	4.62%	3.79%	5.79%	2.07%	6.1%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với HS được đánh giá theo thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	779	211	259	145	164
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	26.44%	25.59%	19.69%	33.79%	31.71%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	49.42%	49.76%	50.97%	53.10%	43.29%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	23.11%	23.7%	27.8%	11.72%	25%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1.03%	0.95%	1.54%	1.38%	0
II.1	Tổng hợp kết quả cuối năm	779	211	259	145	164

1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100%				
1.1	<i>Áp dụng đối với HS được đánh giá theo thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011</i>	0				
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)					
1.2	<i>Áp dụng đối với HS được đánh giá theo thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021</i>	779	211	259	145	164
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	25.42%	22.75%	19.69%	33.79%	30.49%
b	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	1.03%	2.84%	0	0	1.22%
2	Thi lại/học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn trong kỳ nghỉ hè (tỷ lệ so với tổng số)	1.03%	0.95%	1.54%	1.38%	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0				
4	Chuyên trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	9	1	2	4	2
5	Chuyên trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	13	2	5	3	3
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số HS đạt giải các kỳ thi HS giỏi					
1	Cấp tỉnh/thành phố	2	0	0	1	1
2	Cấp huyện	15	0	0	5	10
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	164				164
VI	Số HS được công nhận tốt nghiệp	164				164
VII	Số học sinh thi đỗ THPT công lập (tỷ lệ so với tổng số)	73.78%				73.78%
VIII	Số học sinh vào các trường ngoài công lập	17.69%				17.69%

	(tỷ lệ so với tổng số HS dự thi)					
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	393/386	117/94	130/129	70/75	76/88
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

Số TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
I	CÁC KHOẢN THU, CHI NGOÀI NGÂN SÁCH VÀ KHOẢN THU HỘ, CHI HỘ		
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Học phí năm học 2024-2025	645.254.700	
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	209.890.700	
1.2	Mức thu : 62.000đ/HS (thành phố cấp)		
1.3	Tổng số được cấp trong năm học 2024-2025	435.364.000	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	645.254.700	
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	645.254.700	
1.6	Số chi trong năm	557.514.700	
	Trong đó: - Bổ sung chi lương và thanh toán tiền thừa giờ	545.254.700	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn, chi khác	12.260.000	
1.7	Số dư cuối năm	87.740.000	
2	Dạy thêm học thêm	1.601.395.600	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	323.403	
2.1.2	Mức thu: 9.000 đ/tiết		
2.1.3	Tổng số thu trong năm	1.601.072.197	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.601.395.600	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	1.601.395.600	
2.1.6	Số chi trong năm	1.601.395.600	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp, công tác chỉ đạo, quản lý	1.333.497.500	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	142.181.154	
	- Chi phúc lợi	93.700.000	
	- Chi nộp thuế TNDN	32.016.946	

2.1.7	Số dư cuối năm học 2024-2025 (30/08/2025)	0	
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)		
3.1			
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
3.1.2	Tổng số thu trong năm		
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾		
3.1.5	Số chi trong năm		
	Trong đó: -		
	-		
	-		
3.1.6	Số dư cuối năm		
4	Gửi xe học sinh	143.061.176	
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	3.209.150	
4.1.2	Mức thu (xe đạp: 25.000đ/tháng)		
4.1.3	Tổng số thu trong năm	139.852.026	
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	143.061.176	
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	143.061.176	
4.1.6	Số chi trong năm	134.348.537	
	Trong đó: - Chi cho người trông xe	45.000.000	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	13.973.676	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	71.136.000	
	- Chi khác	4.238.861	
4.1.7	Số dư cuối năm (30/08/2025)	8.712.639	
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học		
5.1		
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
5.1.2	Mức thu		
5.1.3	Tổng số thu trong năm		
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		

5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾		
5.1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....		
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:.....		
5.1.7	Số dư cuối năm		
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, đồng phục, sách vở, nước uống		
6.1	BHYT	643.046.040	
6.1.1	Số học sinh	727	
6.1.2	Mức thu: 884.520/hs/năm		
6.1.3	Tổng thu	643.046.040	
6.1.4	Đã chi	643.046.040	
6.1.5	Dư	0	
6.2	Đồng phục	294.892.000	
6.2.1	Số học sinh		
6.2.2	Mức thu		
6.2.3	Tổng thu	294.892.000	
6.2.4	Đã chi	294.892.000	
6.2.5	Dư		
6.3	Sách giáo khoa	102.585.000	
6.3.1	Số học sinh	355	
6.3.2	Mức thu		
6.3.3	Tổng thu	102.585.000	
6.3.4	Đã chi	102.585.000	
6.3.5	Dư	0	
6.4	Vở viết học sinh	102.750.000	
6.4.1	Số học sinh		
6.4.2	Mức thu		
6.4.3	Tổng thu	102.750.000	

6.4.4	Đã chi	102.750.000	
6.4.5	Dư		
6.5	Nước uống	61.430.000	
6.5.1	Số học sinh	683	
6.5.2	Mức thu: 90.000đ/năm		
6.5.3	Tổng thu	67.225.000	
6.5.4	Đã chi	67.225.000	
6.5.5	Dư	0	
II	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024		
1	Ngân sách nhà nước	8.671.017.040	
1.1	Ngân sách chi thường xuyên	6.529.134.040	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	
	- Dự toán được giao trong năm	6.529.134.040	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	6.529.134.040	
	+ Dự toán bổ sung trong năm		
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm	6.529.134.040	
	- Kinh phí quyết toán năm 2024	6.529.134.040	
	-Dự toán còn dư ở Kho bạc	0	
1.2	Ngân sách chi không thường xuyên	425.822.000	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	
	Dự toán được giao trong năm	425.822.000	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	425.822.000	
	+ Dự toán bổ sung trong năm		
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm	425.822.000	
	- Kinh phí quyết toán năm 2024	425.822.000	
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	0	
1.3	Kinh phí cải cách tiền lương	1.534.579.200	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	

	Dự toán được giao trong năm	1.534.579.200	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	1.534.579.200	
	+ Dự toán bổ sung trong năm		
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm	1.534.579.200	
	- Kinh phí quyết toán năm 2024	1.534.579.200	
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	0	
1.4	Kinh phí khen thưởng Nghị định 73	181.481.800	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	
	Dự toán được giao trong năm	181.481.800	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	181.481.800	
	+ Dự toán bổ sung trong năm		
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm	181.481.800	
	- Kinh phí quyết toán năm 2024	181.481.800	
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	0	
2	Tình hình thực hiện kiến nghị của cơ quan Kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính		
	Tổng số kinh phí phải nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí đã nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí còn phải nộp		
III	NỘI DUNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Nếu có: chi tiết theo từng nguồn)		
1	Học phí		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		

2	Học thêm		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
3		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	+ Quỹ.....		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
III	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG		
1	Mức thu nhập của CBQL		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	183.923.100	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	168.433.750	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	152.944.400	
2	Mức thu nhập của giáo viên		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	166.360.900	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	110.071.250	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	53.781.600	
IV	MỨC CHI CHO HỌC SINH		
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)	1.194.262	
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)	768.453	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

1. Công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức lối sống

- 100% giáo viên, nhân viên thực hiện tốt các quy định của pháp luật, ngành giáo dục và các cấp quản lý.
- Ngay từ đầu năm học nhà trường đã xây dựng và thực tốt các quy tắc ứng xử trong trường học. Mọi hoạt động trong nhà trường có nề nếp
- 100% GV, NV tham gia đầy đủ, có hiệu quả các cuộc vận động do ngành giáo dục, các cấp quản lý triển khai. Không có giáo viên vi phạm pháp luật, đạo đức nhà giáo. Thực hiện tốt công tác phòng, chống bạo lực học đường, phòng chống đuối nước, an toàn giao thông.....

2. Công tác phổ cập, xây dựng XHHT, khuyến học, khuyến tài

- Có đầy đủ hồ sơ PCGD - XMC đầy đủ, đúng quy định, khoa học. Số liệu thống kê PCGD THCS, PCGD TH và nghề chính xác. Hoàn thành hồ sơ phổ cập giáo dục-XMC đúng thời gian quy định. Tổ chức rà soát thu thập thông tin chính xác, đầy đủ, đúng thời gian quy định.
- Kết quả phổ cập: Duy trì tốt tỉ lệ huy động và hiệu quả, đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS năm 2024 mức độ 3; đạt chuẩn chuẩn phổ cập giáo dục THPT & Nghề; đạt chuẩn phổ cập giáo dục Xóa mù chữ mức độ 2.
- Tham mưu tốt với địa phương trong việc tổ chức hoạt động có hiệu quả của các tổ chức của Hội Khuyến học, khuyến tài; Đăng kí các danh hiệu học tập: “công dân học tập”; “Cộng đồng học tập”; “Đơn vị học tập”; “Dòng họ học tập”,..

3. Hoạt động của Đội thiếu niên

- Tuyên truyền các ngày lễ lớn trong năm, Tuyên truyền nội quy của nhà trường bảo vệ cây xanh, bảo vệ môi trường, tuyên truyền tháng an toàn giao thông, tuyên truyền phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống ma túy học đường, gương người tốt việc tốt, phát động các tuần học tốt... thông qua các buổi chào cờ và trên hệ thống loa phát thanh của nhà trường.
- Thực hiện chuyên đề PCCC, phòng chống đuối nước và phòng chống tệ nạn ma túy học đường. Tập huấn an toàn giao thông, Tập huấn chăm sóc sức khoẻ vị thành niên và phòng chống bạo lực học đường.
- Phong trào học và làm theo báo Đội.
- Phát động phong trào mua tăm tre nhận đạo ủng hộ Hội người mù huyện Thủy Nguyên (mỗi em mua 1 gói tăm).

- Phát động phong trào Nuôi lợn siêu trọng trong dịp Tết Nguyên đán năm 2025 trao tặng 54 suất quà cho các bạn có hoàn cảnh khó khăn, nộp về huyện Đoàn và chi các hoạt động của Liên đội.
- Phát động phong trào xây dựng nhà khăn quàng đỏ các lớp đều ủng hộ nhiệt tình.
- Hàng tháng tổ chức kiểm tra ĐDHT của học sinh, kiểm tra sổ theo dõi thi đua của các lớp, tổng hợp điểm theo dõi về nề nếp và học tập có nhận xét, xếp loại từng lớp, khen chê cụ thể bằng điểm số.
- Tổ chức thành công chuyên đề “ Trường học hạnh phúc - an toàn cho em ”
- Đội thiếu niên đã kết hợp với bên chuyên môn của nhà trường tổ chức cho học sinh khối 8 học tập trải nghiệm và hướng nghiệp tại Đền Đô và làng gốm Phù Lãng.
- Tham gia đầy đủ các buổi tập huấn chuyên đề của Đội cấp huyện và cấp thành phố.
- Hỗ trợ 12 HS nghèo nhận quà sau bão jagy.

4. Hoạt động chuyên môn

- Xây dựng, thực hiện KHGD nhà trường và chương trình nhà trường đúng quy định, phù hợp với đặc điểm nhà trường
- Thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng HS.
- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục STEM trong nhà trường có hiệu quả tốt
- Tổ TN học kì I thực hiện chuyên đề “ Ứng dụng thực tế của tam giác cân”, “ Chế tạo nam châm điện đơn giản”
- Học kì II lên lớp chuyên đề “ Vai trò của TV trong đời sống và tự nhiên.”, “Vận dụng kiến thức trung điểm đoạn thẳng thiết kế cầu bập bênh”, “ Phản xạ âm” “Thiết kế giá đọc sách”
- Mỗi nhóm trong tổ chuyên môn thực hiện lên lớp theo chủ đề nghiên cứu bài học
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với kế hoạch, hoạt động giáo dục của nhà trường. Cập nhật kết quả kiểm tra, đánh giá kịp thời, đúng quy định vào sổ điểm, học bạ điện tử.
- Phối kết hợp với các trường trong huyện tổ chức thành công chuyên đề cấp thành phố. Phối kết hợp với các trường trong cụm tổ chức chuyên đề cấp huyện thành công.
- Tổ chức thành công hội khỏe phù đồng cấp trường.
- Xây dựng các chuyên đề cấp trường về chuyên môn như chuyên đề festival ngoại ngữ tổ xã hội lồng ghép chuyên đề đội
- Phát động các đợt đăng kí dạy tốt chào mừng các ngày lễ lớn 25/10; 20/11; 26/3 ...

- Tập huấn giáo viên sử dụng các phần mềm trực tuyến để giảng dạy học sinh. 100% giáo viên tiếp cận và sử dụng tốt các phần mềm trong giảng dạy.
- 100% giáo viên thi giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường kết quả 100% giáo viên đạt khá, tốt.
- 100% giáo viên được dự giờ, kiểm tra hồ sơ, kế hoạch giảng dạy đều được xếp loại khá và tốt
- 100% Sáng kiến kinh nghiệm được hội đồng thẩm định sáng kiến của huyện công nhận.

5. Kết quả các tổ chức đoàn thể

- Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- Công Đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ
- Liên đội xuất sắc cấp huyện
- Nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Duyên

¹ Mẫu Báo cáo thường niên chỉ quy định các yêu cầu thông tin bắt buộc; tiêu đề, thứ tự chương mục và hình thức trình bày thông tin do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thể hiện rõ nội dung của thông tin theo yêu cầu.

² Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

³ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁴ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁵ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁶ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁷ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁸ Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành.